

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN 23 CÂU HỎI

Câu 1. Lý luận là gì? Tư duy lý luận là gì? Vai trò của triết học Mác trong việc nâng cao năng lực tư duy lý luận? Bình luận nhận định của Ph.Ăngghen: “Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận”... “Cứ mỗi lần khoa học đạt được thành tựu mới thì triết học phải thay đổi hình thức tồn tại của chính mình”.

Câu 2. Phân tích cơ sở lý luận, nêu ra các yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc khách quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào sự nghiệp cách mạng ở nước ta?

Câu 3. Phân tích cơ sở triết học (lý luận & phương pháp luận) trong khẳng định của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan”.

Câu 4. Bằng lý luận và thực tiễn, chứng minh rằng: “Ý thức con người không chỉ phản ánh thế giới mà còn góp phần sáng tạo ra thế giới”.

Câu 5. Phân tích cơ sở triết học (lý luận & phương pháp luận) trong câu nói của C.Mác: “Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng”.

Câu 6. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc toàn diện của phép biện chứng duy vật. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?

Câu 7. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phát triển của phép biện chứng duy vật. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?

Câu 8. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc lịch sử - cụ thể của phép biện chứng duy vật. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?



Câu 9. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc lịch sử – cụ thể. Tại sao nói: “Nguyên tắc lịch sử – cụ thể là ‘linh hồn’ phương pháp luận của chủ nghĩa Mác”. Đảng CSVN đã vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào thực tiễn cách mạng VN hiện nay?

Câu 10. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phân tích mâu thuẫn (phân đôi cái thống nhất). Đảng CSVN đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Câu 11. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phân tích lượng – chất. Đảng CSVN đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Câu 12. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phủ định biện chứng. Đảng CSVN đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Câu 13 (phút 33) Bằng lý luận và thực tiễn, chứng minh rằng, cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ là một quá trình khó khăn, lâu dài, phức tạp; cái mới có thể thất bại tạm thời nhưng cuối cùng nó sẽ chiến thắng cái cũ.

Câu 14 (phút 34) Giải thích câu nói của V.I.Lênin: “Có thể định nghĩa văn tắt phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các mặt đối lập. Như thế là nắm được hạt nhân của phép biện chứng, nhưng điều đó đòi hỏi phải có những sự giải thích và một sự phát triển thêm”.

Câu 15. (phút 39, giây 38) Giải thích câu nói của V.I.Lênin: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận nhận thức”.

Câu 16. (phút 42) Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?

Câu 17. (phút 43) Hình thái kinh tế xã hội là gì? Vạch ra ý nghĩa của học thuyết hình thái kinh tế – xã hội? Phân tích tư tưởng của Mác: “Sự phát triển hình thái kinh tế – xã hội là quá trình lịch sử – tự nhiên”. Đảng CSVN đã vận dụng học thuyết hình thái KT-XH như thế nào vào thực tiễn cách mạng VN hiện nay?

**Đề ra phương pháp nghiên cứu mới
Cơ sở để phân kỳ lịch sử**



Có ý nghĩa cách mạng

Câu 18. (phút 47) Chủ nghĩa duy vật lịch sử là gì? Giải thích luận điểm của V.I.Lênin: “Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị”.

Câu 19. (phút 52) Phân tích nội dung cơ bản của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tại sao nói quy luật này là quy luật cơ bản và phổ biến nhất của xã hội loài người. Đảng CSVN đã vận dụng quy luật này như thế nào vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Câu 20: (phút 57) Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Đảng CSVN đã vận dụng mối quan hệ biện chứng này như thế nào vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay?

Câu 21: (phút 58) Giai cấp là gì? Bằng lý luận và thực tiễn, chứng minh rằng: “trong mọi thời đại, những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị. Điều đó có nghĩa là giai cấp nào là lực lượng vật chất thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần thống trị trong xã hội”.

Câu 22: Nhà nước pháp quyền là gì? So sánh NNPQ TS và NN PQ XHCN. Phân tích cơ sở kinh tế, cơ sở chính trị và cơ sở XH của NN PQ XHCN Việt Nam.

Câu 23. Phân tích quan điểm của triết học Mac – Lenin về bản chất con người và về vấn đề giải phóng con người.

NỘI DUNG TRỌNG TÂM CẦN ÔN

Câu 1. Lý luận là gì? **Tư duy lý luận** là gì? Vai trò của triết học Mác trong việc nâng cao năng lực tư duy lý luận? Bình luận nhận định của Ph.Ăngghen: “Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận”... “Cứ mỗi lần khoa học đạt được thành tựu mới thì triết học phải thay đổi hình thức tồn tại của chính mình”.

Gợi ý:

* Các khái niệm

- Lý luận là gì? Định nghĩa theo quan niệm Mác xít (Sách phần 2 trang 91). Phân loại lý luận.



- Tư duy lý luận là gì? ta phải làm rõ các khái niệm “tư duy là gì?”, “lý luận là gì”, “mối quan hệ giữa chúng”. Cụ thể:

o Tư duy: phản ánh 1 hệ thống khái niệm, phạm trù, là hình thức phản ánh 1 cách trừu tượng, khái quát giúp ta nắm được bản chất của thế giới CCCC tư duy trừu tượng, là sản phẩm của quá trình con người nhận thức thế giới.

§ Tư duy còn là công cụ của quá trình nhận thức đó, là một số những nguyên tắc đòi hỏi ta phải nắm bắt để xử lý. Tư duy phản ánh bản tính biện chứng của thế giới.

§ Mục đích của tư duy: so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp....giúp ta nắm bắt bản chất và quy luật của thế giới, vừa là sự phản ánh cao cấp.

o Có 2 loại tư duy:

§ Tư duy hình tượng: phân tích, mô tả các khái niệm, phạm trù trừu tượng.

§ Tư duy lý luận: thông qua các phạm trù trừu tượng để nắm bắt bản chất sự vật, tư duy này do triết học mang lại.

- CCCC Triết học Mác (phép biện chứng duy vật) có vai trò nâng cao năng lực tư duy cho con người, góp phần xây dựng tư duy biện chứng, năng lực phản ánh thế giới một cách trình tự, khái quát để nắm bắt thế giới trong mối quan hệ chằng chịt, là tư duy phản ánh bản chất biện chứng của thế giới. Như vậy, phép biện chứng vừa là sản phẩm vừa là công cụ giúp ta nắm bắt tính chất biện chứng của thế giới.

- Tư duy biện chứng bị chi phối bởi các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng, bộc lộ thành những tính chất của nó “suy nghĩ thế nào?”, “phản ánh thế nào”.

=> Vì vậy, ta phải rèn luyện phong cách tư duy biện chứng.

Chú ý: tư duy lý luận bao gồm tư duy lý luận, tư duy siêu hình và tư duy biện chứng.

* **Bình luận câu nói của Engels:**

- Trước đây những dân tộc khác nhau có những nền khoa học phát triển không như nhau. Tuy nhiên hiện nay, khoa học thuộc về cộng đồng do thế giới đã hòa nhập.

- Đỉnh cao khoa học: tiếp cận những vấn đề phức tạp nhất của giới khoa học ở thời điểm, giai đoạn đó. Muốn lao vào đổi đầu, giải quyết với các vấn đề khoa học ở đỉnh của sự phát triển thì không thể ko có triết học hướng dẫn.

- CCCC Các nhà khoa học phải học triết học để nắm vững tư duy lý luận. Vì nó mang lại tư duy lý luận hay còn gọi là thế giới quan, phương pháp luận giúp cho các nhà khoa học có khả năng xử lý những vấn đề do khoa học đặt ra.

- Ngược lại, khoa học cũng có vai trò rất quan trọng đối với triết học. Nếu triết học mang đến cho khoa học tư duy lý luận để các nhà khoa học nghiên cứu và khám phá thế giới thì khoa học cũng mang đến cho triết học những thành tựu của mình để luận chứng



cho những nguyên lý, quy luật phạm trù của nó. Vì vậy, khi khoa học phát triển và đạt được những thành tựu mới, buộc triết học phải thay đổi cơ sở lý luận của mình hay hoàn thiện chính mình.

Câu 2. Phân tích cơ sở lý luận, nêu ra các yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc khách quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào sự nghiệp cách mạng ở nước ta?

Gợi ý trả lời của thầy:

- Lưu ý: Hỏi cái gì đều trả lời vẫn tắt theo quan điểm Mac xit hết, đừng có chép trong sách, trong sách nó nói tùng lum, nói để ta hiểu thêm thôi, còn đi thi người ta hỏi lý luận là gì thì trả lời ngắn gọn theo quan điểm của Mac Xit, còn nếu mà các anh chị chép hết thì xin thưa sẽ không kịp thời gian đâu, làm được 1 câu là cùng thôi mà thầy cũng cho từng ấy điểm à, mà viết bậy là thầy trừ điểm luôn :).

- Câu 2, câu 3 và mấy câu có phân tích cơ sở triết học, cơ sở lý luận thì nhớ phân tích chia nó ra thành những yếu tố bộ phận để tiện lợi trong quá trình nghiên cứu, xem xét, khám phá; vậy thì phân tích cơ sở lý luận cũng như yếu tố khách quan. Cơ sở lý luận nó là gì? Phân tích mối quan hệ qua lại giữa vật chất và ý thức, (*không phải chép trong slide của thầy mà phải đi giải thích cho thầy từng luận điểm đó, hãy tưởng tượng rằng thầy chưa hiểu không biết gì cả và mình cố làm cho thầy hiểu :)*). Sau đó phân tích tiếp các yêu cầu, giải thích, mổ xẻ nó ra cho thầy xem yêu cầu cơ bản là gì, được hiểu ra những yêu cầu nhỏ ra sao? Nếu không tuân theo những yêu cầu đó thì mắc những bệnh gì? Lỗi gì?

- Ở đây có 1 câu nữa là Đảng CSVN đã và đang vận dụng nguyên tắc này vào sự nghiệp đổi mới của đất nước ta hiện nay thì chúng ta lưu ý là trước đổi mới là vi phạm nó còn trong quá trình đổi mới là làm theo nó, còn vi phạm nó thì sẽ sai những cái gì? Câu 2 và câu 3 như nhau, nhưng câu 3 hẹp hơn câu 2; câu 3 chỉ nói đến 1 luận điểm cơ bản thôi “vật chất quyết định ý thức” và nó chỉ nói đến 1 yêu cầu thôi là xuất phát từ hiện thực khách quan phải tôn trọng và làm theo quy luật khách quan, nhưng nếu các anh chị làm luôn cả 1 cái nguyên tắc đó cũng được.

Câu 3. Phân tích cơ sở triết học (lý luận & phương pháp luận) trong khẳng định của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan”.



Ngay từ khi ra đời, Đảng cộng sản Việt Nam đã lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm nền tảng tư tưởng và vận dụng tư tưởng lý luận đó vào thực tế cách mạng nước ta để đề ra đường lối, chủ trương, chính sách qua từng thời kỳ. Một trong những vận dụng cơ sở lý luận của triết học Mác Lênin vào công cuộc đổi mới đất nước mà Đảng đã khởi xướng bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ IV là nguyên tắc khách quan, một nguyên tắc được rút ra từ mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Đảng cộng sản Việt Nam "Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng qui luật khách quan". Việc tìm hiểu quy luật khách quan trên cơ sở mối quan hệ giữa vật chất và ý thức để vận dụng đúng đắn quy luật này vào thực tiễn là vấn đề hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là vấn đề cơ bản của triết học. Phạm trù vật chất và mối liên hệ giữa vật chất và ý thức đã được các nhà triết học trước Mác quan tâm với nhiều quan điểm khác nhau và luôn diễn ra cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trong suốt lịch sử của triết học.

Quan điểm Mácxit cho rằng chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất. Thế giới vật chất tồn tại khách quan có trước và độc lập với ý thức con người. Lênin –người đã bảo vệ và phát triển triết học Mác đã nêu ra định nghĩa “vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại để làm cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại ,chụp lại ,phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

Vật chất là một phạm trù triết học: Đó là một phạm trù rộng và khái quát nhất , không thể hiểu theo nghĩa hẹp như các khái niệm vật chất thường dùng trong các lĩnh vực khoa học cụ thể hoặc đời sống hàng ngày. Thuộc tính cơ bản nhất của vật chất là “thực tại khách quan” , “tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”, đó cũng chính là tiêu chuẩn để phân biệt cái gì là vật chất và cái gì không phải là vật chất.

Vật chất quyết định ý thức, vật chất quyết định nội dung ý thức. Cả ý thức thông thường và ý thức lý luận đều bắt nguồn từ điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định. Phong tục, tập quán , thói quen này滋生 trên những điều kiện vật chất nhất định đó là thực tiễn xã hội –lịch sử. Chủ nghĩa xã hội khoa học đòi cũng dựa trên mảnh đất hiện thực là những tiên đề về kinh tế chính trị xã hội, về khoa học tự nhiên và sự kế thừa tinh hoa tư tưởng , văn hoá nhân loại cùng với thiên tài của MÁC và Ăngghen .

Do thực tại khách quan luôn luôn biến động vận động nên nhận thức của nó cũng luôn luôn biến đổi theo, nhưng xét đến cùng thì vật chất bao giờ cũng quyết định ý thức . Nhưng ý thức đã ra đời thì nó có tác động lại vật chất . Với tính độc lập tương đối của mình ý thức tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người .



Quán triệt quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức của triết học Mác xít.

Trong nhận thức và thực tiễn, chúng ta phải xuất phát từ thực tế khách quan, lấy thực tế khách quan làm căn cứ cho mọi hoạt động của mình. Đồng thời phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức, phát huy vai trò nhân tố của con người trong việc nhận thức, tác động cải tạo thế giới. Quan điểm khách quan trên giúp ta ngăn ngừa và khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí. Bệnh chủ quan duy ý chí là xuất phát từ việc cường điệu tính sáng tạo của ý thức, tuyệt đối hoá vai trò nhân tố chủ quan của ý chí, bất chấp qui luật khách quan, xa rời hiện thực, phủ nhận xem nhẹ điều kiện vật chất.

Ở nước ta, trong thời kỳ trước đổi mới. Đảng ta đã nhận định rằng chúng ta mất bệnh chủ quan duy ý chí trong việc xác định mục tiêu và bước đi trong việc xây dựng vật chất kỹ thuật và cải tạo xã hội chủ nghĩa; về bố trí cơ cấu kinh tế; về việc sử dụng các thành phần kinh tế Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, sử dụng các thành phần kinh tế, đã có hiện tượng nóng vội muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh trong khi đúng ra là phải duy trì thực hiện phát triển các thành phần kinh tế theo từng bước đi thích hợp, phù hợp với thời kỳ quá độ trong một thời gian tương đối dài để phát triển lực lượng sản xuất.

Nguyên nhân của căn bệnh chủ quan duy ý chí trên là do sự lạc hậu, yếu kém về lý luận, do tâm lý của người sản xuất nhỏ và do chúng ta kéo dài chế độ quan liêu bao cấp. Văn kiện Đại Hội toàn quốc lần thứ 6 của Đảng ta đã nêu lên bài học :"Đảng ta luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo qui luật khách quan". Chúng ta biết rằng quan điểm khách quan đòi hỏi trong nhận thức và hoạt động thực tiễn phải xuất phát từ bản thân sự vật hiện tượng, phải thừa nhận và tôn trọng tính khách quan của vật chất, của các qui luật tự nhiên và xã hội, không được xuất phát từ ý muốn chủ quan.

Bài học mà Đảng ta đã nêu ra, trước hết đòi hỏi Đảng nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống qui luật khách quan. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là xây dựng CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế xã hội có tính chất quá độ.

Mỗi chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước phải xuất phát từ thực tế khách quan của đất nước và phù hợp qui luật. Chúng ta biết rằng ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan trong quá trình con người cải tạo thế giới. Do đó càng nắm bắt thông tin về thực tế khách quan chính xác, đầy đủ trung thực và sử lý các thông tin ấy một cách khoa học thì quá trình cải tạo thế giới càng hiệu quả. Đồng thời cần thấy rằng sức mạnh của ý thức là ở năng lực nhận thức và vận dụng tri thức củng như các qui luật



của thế giới khách quan .

Xuất phát từ mối quan hệ biên chứng giữa vật chất và ý thức . Đảng ta xác định

"Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng qui luật khách quan" là xác định vai trò quyết định của vật chất (thế giới khách quan). Như vậy , từ chủ nghĩa Mác-Lênin về mối quan hệ vật chất và ý thức, cũng như từ những kinh nghiệm thành công và thất bại trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Đảng ta đã rút ra bài học trên.

Bài học ấy có ý nghĩa thời sự nóng hổi trong quá trình đổi mới đất nước. Hiện nay, trong tình hình đổi mới của cục diện thế giới và của cách mạng ở nước ta đòi hỏi 1Đảng ta không ngừng phát huy sự hiệu quả lãnh đạo của mình thông qua việc nhận thức đúng, tranh thủ được thời cơ do cách mạng khoa học công nghệ, do xu thế hội nhập và toàn cầu hoá đem lại, đồng thời xác định rõ những thách thức mà cách mạng nước ta trải qua

Câu 4. Bằng lý luận và thực tiễn, chứng minh rằng: “Ý thức con người không chỉ phản ánh thế giới mà còn góp phần sáng tạo ra thế giới”.

Ý thức của con người theo triết học duy vật biện chứng không phải là một hiện tượng thần bí, tách rời khỏi vật chất mà là đặc tính của một dạng vật chất có tổ chức đặc biệt là bộ óc của con người, là sự phản ánh sự vật, hiện tượng của thế giới bên ngoài vào bộ óc của con người trên nền tảng của hoạt động lao động sáng tạo và được hiện thực hóa bằng ngôn ngữ. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

Ý thức con người có nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội

Nguồn gốc tự nhiên: Triết học DVBC chỉ ra rằng, phản ánh là thuộc tính chung của mọi vạn vật chất. Đó là năng lực giữ lại, tái hiện lại của 01 hệ thống vật chất này những đặc điểm của của một hệ thống vật chất khác khi 02 hệ thống vật chất đó tác động lẫn nhau. Cùng với sự phát triển của thế giới vật chất, thuộc tính phản ánh của nó cũng phát triển từ thấp lên cao. Như vậy ý thức là thuộc tính của 01 dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người. Não người và sự phản ánh của thế giới khách quan vao não người chính là nguồn gốc tự nhiên của ý thức

Nguồn gốc xã hội: Triết học DVBC chỉ ra rằng, chính lao động và ngôn ngữ là 02 nguồn gốc xã hội Quyết định trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của ý thức Chính lao động đóng vai trò Quyết định trong sự chuyển biến từ vượn thành người,



làm cho con người khác với tất cả động vật khác. Lao động giúp con người cải tạo thế giới và hoàn thiện chính mình. Thông qua lao động não người càng ngày càng hoàn thiện, phát triển giúp tư duy trùu tượng phát triển. Chính lao động là cơ sở hình thành, phát triển của ngôn ngữ. Sự ra đời của ngôn ngữ sẽ giúp con người phản ánh sự vật khái quát hơn. Điều này càng thúc đẩy tư duy trùu tượng phát triển. Đây là 02 yếu tố quan trọng để phát triển ý thức. Lao động và ngôn ngữ là “hai sức kích thích chủ yếu” để bộ não vươn thành bộ não người, phản ánh tâm lý động vật thành phản ánh ý thức.

Về bản chất của ý thức: Các Mác đã chỉ ra rằng ý thức chẳng qua chỉ là vật chất được di chuyển vào trong bộ óc của con người và được cải biến đi ở trong đó.

Như vậy bản chất của ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Có nghĩa là nội dung của ý thức là do thế giới khách quan quy định, nhưng khi phản ánh thì nó mang dấu ấn chủ quan của con người.

- Ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào óc người nhưng đó là phản ánh sáng tạo. Tính sáng tạo của ý thức được thể hiện ra rất phong phú. Trên cơ sở những cái đã có, ý thức có thể tạo ra tri thức mới về sự vật, có thể tưởng tượng ra cái không có trong thực tế. ý thức có thể tiên đoán, dự báo tương lai, có thể tạo ra những huyền thoại, những giả thuyết ...

- Phản ánh của ý thức là tích cực, chủ động: con người trên cơ sở hoạt động thực tiễn, chủ động tác động vào sự vật hiện tượng làm cho chúng bộc lộ tính chất, thuộc tính, đặc điểm → hiểu biết vận dụng tri thức để nhận thức và cải tạo TGKQ.

- Ý thức mang bản chất xã hội

Khi thừa nhận vật chất tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức, quyết định ý thức thì sự nhận thức thế giới không thể xuất phát từ ý thức con người, mà phải xuất phát từ thế giới khách quan. Trong hoạt động thực tiễn phải tôn trọng và hành động theo các quy luật khách quan. Lenin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng không được lấy ý muốn chủ quan của mình làm chính sách, lấy ý chí áp đặt cho thực tế vì như vậy sẽ mắc phải bệnh chủ quan duy ý chí. Tuy nhiên, chủ nghĩa duy vật đồng thời vạch rõ sự tác động trở lại vô cùng to lớn của ý thức đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Quan hệ giữa vật chất và ý thức là quan hệ hai chiều. Không thấy điều đó sẽ rơi vào quan niệm duy vật tầm thường và bệnh bảo thủ, trì trệ trong nhận thức và hành động.

Nói tới vai trò của ý thức thực chất là nói tới vai trò của con người, vì ý thức tự nó không trực tiếp thay đổi được gì trong hiện thực cả. Do đó, muốn thực hiện tư tưởng phải sử dụng lực lượng thực tiễn. Nghĩa là con người muốn thực hiện quy luật



khách quan thì phải nhận thức, vận dụng đúng đắn những quy luật đó, phải có ý chí và phương pháp để tổ chức hành động. Vai trò của ý thức là ở chỗ chỉ đạo hoạt động của con người, có thể quyết định làm cho con người hành động đúng hay sai, thành công hay thất bại trên cơ sở những điều kiện khách quan nhất định. Do đó, con người càng phản ánh đầy đủ, chính xác thế giới khách quan thì càng cài tạo thế giới có hiệu quả "**Ý thức con người không chỉ phản ánh thế giới mà còn góp phần sáng tạo ra thế giới**".

Vì vậy, phải phát huy tính năng động, sáng tạo của ý thức, phát huy vai trò nhân tố con người để tác động, cài tạo thế giới khách quan.

Từ quan điểm duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức ta thấy không được xem nhẹ quan điểm khách quan, tính năng động, sáng tạo của ý thức mà nó còn đòi hỏi phải phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức, của nhân tố chủ quan. Bởi vì quá trình đạt tới tính khách quan đòi hỏi chủ thể phải phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc tìm ra những biện pháp, những con đường để từng bước thâm nhập sâu vào bản chất của sự vật, trên cơ sở đó con người thực hiện sự biến đổi từ cái "vật tự nó" (tức thực tại khách quan) thành cái phục vụ cho nhu cầu của con người đồng thời sử dụng hiệu quả các điều kiện, sức mạnh vật chất khách quan, sức mạnh của quy luật... để phục vụ cho các mục tiêu, mục đích khác nhau của con người. Nếu trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, chúng ta tuyệt đối hóa, cường điệu hóa vai trò của nhân tố chủ quan thì sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của xã hội và rơi vào bệnh bệnh bảo thủ trì trệ. Đây là khuynh hướng sai lầm cực đoan do cường điệu hóa vai trò của vật chất, sùng bái sức mạnh của quy luật, hạ thấp vai trò của nhân tố chủ quan. Khuynh hướng bảo thủ sẽ dẫn đến tình trạng ỷ lại, chậm đổi mới, ngại thay đổi, dựa dẫm, chờ đợi, thậm chí cản trở cái mới, bằng lòng thỏa mãn với cái đã có.

Liên hệ thực tế: Bệnh bảo thủ trì trệ là một thực tế tồn tại trong thời kỳ khá dài trước đổi mới (trước Đại hội lần VI tháng 12-1986). Trong giai đoạn này, tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội ngày càng trầm trọng xuất phát từ bảo thủ có tác hại rất lớn. Bệnh bảo thủ trì trệ được biểu hiện qua việc "chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời", trong công tác tổ chức thời kỳ này "khuyết điểm lớn nhất là sự trì trệ, chậm đổi mới công tác cán bộ". Việc lựa chọn, bố trí cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp còn theo quan niệm cũ kỹ và tiêu chuẩn không đúng đắn, mang nặng tính hình thức..." Đáng ta đã "duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp" - một cơ chế "gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí".



Bệnh bảo thủ trì trệ có nguyên nhân từ sự yếu kém lạc hậu về tư duy lý luận, trí thức lý luận không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Sự giản đơn yếu kém về lý luận thể hiện ở chỗ: hiểu và vận dụng chưa đúng nguyên lý, quy luật, phạm trù, chưa chú ý tiếp thu kế thừa những thành tựu, kỹ thuật công nghệ mới của chủ nghĩa tư bản, của nhân loại, thậm chí còn có định kiến phủ nhận một cách cực đoan những thành tựu đó, chưa chú ý tổng kết những cái mới từ sự vận động, phát triển của thực tiễn theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì nguyên nhân của bệnh chủ quan là kém lý luận, lý luận là lý luận suông. Còn do nguồn gốc lịch sử, xã hội, giai cấp, tâm lý của con người chi phối.

Nhờ vận dụng đúng đắn các quy luật thông qua các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, chế độ XHCN ngày càng củng cố và đất nước đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội và đang có những bước chuyển biến tích cực trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tóm lại, từ những phân tích trên cho thấy lợi của công cuộc đổi mới có được là dựa trên một nền tảng tư tưởng đúng, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà trong đó sự quán triệt và vận dụng đúng quy luật, nguyên tắc khách quan là điều kiện đảm bảo sự dẫn dắt đúng đắn của Đảng.

Câu 5. Phân tích cơ sở triết học (lý luận & phương pháp luận) trong câu nói của C.Mác: “Vũ khí của sự phê phán có nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng”.

Câu 6. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc toàn diện của phép biện chứng duy vật. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?

- <xem câu 7>



Câu 7. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phát triển của phép biện chứng duy vật. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?

Gợi ý trả lời của thầy:

- Câu 6 và câu 7 như nhau, có khác là gì? Một cái là toàn diện, 1 cái là phát triển. Cách làm thì cũng như vậy, làm sáng rõ, mổ xẻ, phân tích cho thầy chi tiết, khái niệm vận động, khái niệm phát triển hay khái niệm mối liên hệ, mối liên hệ phổ biến (mổ xẻ chi tiết ra); rồi từ đó làm sáng rõ yêu cầu của nguyên tắc toàn diện, giải thích cái nguyên tắc đó ra, nếu không tuân thủ nó thì mắc phải những bệnh gì? (chỉ rõ ra).

- Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn? => Bằng thực tiễn là bằng hiện thực cuộc sống, lấy hiện thực cuộc sống làm minh họa. Ví dụ ngày nay, nhờ những tri thức khoa học, những thành quả khoa học mà con người chúng ta hiểu sâu sắc hơn về thế giới và giúp chúng ta cải tạo triệt để thế giới. Nhờ những hiểu biết tri thức về sinh đẻ mà con người phát hiện ra bí mật của công nghệ sinh đẻ và ngày nay chúng ta đã cải tạo việc sinh đẻ, muốn con trai có con trai, muốn con gái có con gái, muốn không có con thì không có con, muốn có con thì có con. Cái đó gọi là bằng thực tiễn, bằng hiện thực, bằng cuộc sống. Ngày nay Đảng ta ra sức nghiên cứu, nghiên ngẫm, khám phá những qui luật thế giới và vận dụng nó để cải tạo đất nước, để lèo lái đất nước đi theo đúng quy luật để mang lại đất nước một tương lai rực rỡ hơn. C đời ta cũng vậy, phải nắm được quy luật về con người, về tình yêu gì đó để cải tạo con người, cải tạo tình yêu, biến vợ xấu thành vợ đẹp, biến vợ hung dữ thành vợ diệu hiền, tức là cải tạo thế giới, mà cũng có thể cải tạo con người, cải tạo gia đình, cải tạo tự nhiên, biến sa mạc thành những cánh đồng màu mỡ, biến rừng rú thành những thành phố nguy nga tráng lệ, ví dụ như các tiểu Vương quốc Ả Rập các anh chị thấy chưa? Sa mạc cháy bỏng mà các anh chị đến đó 1 lần không muốn về, nhờ vào đâu vậy? Phải nhờ tri thức và thực tiễn không? nhưng mà tri thức phải thông qua hoạt động thực tiễn, cái đầu phải thông qua cái tay mới được.

- Rồi, câu 6 và câu 7 như nhau ha :).

Câu 8. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc lịch sử - cụ thể của phép biện chứng duy vật. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?

Gợi ý trả lời của thầy:



- Câu 8 và câu 9 cùng 1 nhóm chủ đề. Cơ sở lý luận thì trong sách có nói rồi, nguyên tắc lịch sử cụ thể được hiểu theo 2 nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp, nhưng ở đây chỉ cần trình bày cho thầy nghĩa hẹp thôi. Nghĩa rộng của nguyên tắc lịch sử cụ thể là tổng tất cả những yêu cầu được rút ra từ toàn bộ nội dung phép biện chứng, và nếu ta phân tích cơ sở lý luận của nó theo nghĩa rộng là gì thì phân tích 2 nguyên lý, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù. Còn nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì nguyên tắc lịch sử cụ thể là tổng 2 nguyên tắc (nguyên tắc toàn diện và nguyên tắc phát triển) và vì vậy cơ sở lý luận của nó chính là 2 nguyên lý, vậy thì các anh chị khi giới thiệu xong nó thì các anh chị chỉ cần phân tích theo nghĩa hẹp thôi, **phân tích nội dung 2 nguyên lý, phân tích các yêu cầu của nó làm sáng rõ yêu cầu đó**, (nhớ là phân tích ra :)).

- Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được gì trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, chúng tra sẽ tránh gì? Sự xem xét, nhìn nhận, đánh giá, xử lý chung chung trừu tượng, không xét lịch sử phạm vi cụ thể những vấn đề sẽ dẫn đến hiểu biết không đúng và xử lý không hợp tình hợp lý và không hiệu quả. Việc tuân thủ nguyên tắc này tránh được bệnh hình thức, bệnh trừu tượng chung chung, bệnh đại khái, bệnh gì cũng xem như đại khái, nói chung chung, nói trừu tượng.

Câu 9. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc lịch sử – cụ thể. Tại sao nói: “Nguyên tắc lịch sử – cụ thể là ‘linh hồn’ phương pháp luận của chủ nghĩa Mác”. Đáng CSVN đã vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào thực tiễn cách mạng VN hiện nay?

Gợi ý trả lời của thầy:

- Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc lịch sử – cụ thể => xem câu 8.

- “Tại sao nguyên tắc lịch sử cụ thể là linh hồn, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác” => ở đây các anh chị cần làm rõ từng bước một: Chủ nghĩa Mác bao gồm mấy bộ phận hợp lại tạo thành? 3 bộ phận, triết học (là cốt lõi nhất), kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong triết học thì phép biện chứng là quan trọng nhất, vì vậy nó là cái lõi của cái lõi của chủ nghĩa Mác. Mà nguyên tắc lịch sử cụ thể thì có lý luận từ toàn bộ nội dung phép biện chứng nếu hiểu theo nghĩa rộng, (còn nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì nó có cơ sở lý luận là 2 nguyên lý, mà 2 nguyên lý là cái nền tảng của phép biện chứng), do vậy là nó là “cái lõi của cái lõi của cái lõi” của chủ nghĩa Mác nữa. Và vì vậy nếu hiểu theo nghĩa rộng thì nó là tổng hợp những nguyên tắc yêu cầu rút ra từ toàn bộ theo nghĩa rộng, còn nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì được rút ra từ 2 nguyên tắc nền tảng, nguyên tắc



toàn diện và nguyên tắc phát triển. Do đó nó được coi là linh hồn phương pháp luận của chủ nghĩa Mác. (Linh hồn là gì, là cái nền tảng cơ sở, ví dụ anh lớp trưởng hay ai đó là linh hồn của lớp ta tức là gì, là tiêu biểu cho lớp ta, đại diện lớp ta, anh ta còn thì lớp ta còn, anh ta mất thì lớp ta mất, anh ta vui thì lớp ta vui, anh ta buồn thì lớp ta buồn.)

- Đang ta đã vận dụng nguyên tắc này như thế nào? là vận dụng để xây dựng con đường đi lên CNXH ở VN một cách lịch sử cụ thể từ khi xuất phát từ trình độ nào? Kinh tế ra sao? Bối cảnh trong nước thế nào? Bối cảnh thế giới ra sao? Và vì vậy con đường đi lên CNXH là phải làm gì, xây dựng cái gì, phát triển cái gì? Chúng ta xuất phát từ nền kinh tế rất là thấp kém, tiêu nông, lúa nước lạc hậu không có điều kiện, ngày nay lực lượng sản xuất đa dạng, trong thời đại mà cách mạng khoa học công nghệ diễn ra như vũ bão, vì vậy chúng ta phải xây dựng đất nước như thế nào? Phải xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Về kinh tế phải làm gì? Chính trị phải làm gì? Văn hóa tư tưởng phải làm gì? Quan hệ trong nước phải xử lý ra sao? Quan hệ đối ngoại chúng ta phải làm gì?... Tại sao chúng ta phải lấy giáo dục làm hàng đầu, tại sao chúng ta phải công nghiệp hóa hiện đại hóa,... làm rõ ra.

Câu 10. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phân tích mâu thuẫn (phân đôi cái thống nhất). Đang CSVN đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Gợi ý trả lời của thầy:

- Cần làm rõ quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập. Trước hết làm rõ mâu thuẫn biện chứng là gì? Muốn làm rõ mâu thuẫn biện chứng cần làm rõ: mặt đối lập là gì? Thống nhất giữa các mặt đối lập là gì? Đấu tranh các mặt đối lập là gì và chuyển hóa giữa các mặt đối lập là gì? Cuối cùng rút ra mâu thuẫn biện chứng là gì? Vạch ra mâu thuẫn thì nó tồn tại những giai đoạn nào? Xuất hiện thế nào, hình thành ra sao, hiện hữu thế nào, giải quyết ra sao? Xem xét sự vận động của một mâu thuẫn? sau đó phân loại mâu thuẫn: bên trong và bên ngoài, cơ bản và không cơ bản, chủ yếu và thứ yếu thấy được vai trò của chúng khác nhau; Sau đó chỉ rõ ra mâu thuẫn đặc biệt là giải quyết mâu thuẫn là nguồn gốc, động lực của mọi sự vật phát triển. Tức là làm rõ 4 luận điểm của nội dung quy luật bằng cách triển khai cụ thể như vậy. Sau đó phân tích nguyên tắc mâu thuẫn là nguyên tắc phân đôi thống nhất, trong nhận thức phải làm gì? Trong thực tiễn phải làm chi ? Nhớ là lý luận như thế nào thì phương pháp phải làm rõ điều đó .



- Đảng CSVN vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN: đầu tiên ta thấy nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN bản thân nó là 1 mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa kinh tế thị trường với định hướng XHCN, kinh tế thị trường vận hành theo cơ chế thị trường do các quy luật khách quan tự phát chi phối và kết quả nó thường phân hóa dữ dội đưa đến sự giàu nghèo, bất bình đẳng, bất công trong xã hội, xung đột tranh chấp giữa các tầng lớp người, nhưng định hướng XHCN là có sự dắt dẵn của nhà nước XHCN lèo lái hướng đến sự công bằng, hướng đến sự bình đẳng, hướng đến lợi ích của đồng đảo quần chúng nhân dân lao động... Vì vậy nếu ta giải quyết không đúng mâu thuẫn này thì chúng ta sẽ dẫn đến tình trạng: khi chúng ta quá đề cao định hướng XHCN, quá đề cao sự công bằng, bình đẳng chúng ta sẽ làm mất đi động lực phát triển kinh tế, các anh chị phá sâu vào kinh tế hoặc là ta quá chú ý đến lợi ích kinh tế, đến sự phát triển kinh tế chúng ta sẽ làm cho sự công bằng bình đẳng, định hướng XHCN nó mờ nhạt đi, nhiều lúc chúng ta vì phát triển kinh tế mà chúng ta quên đi sự công bằng, bình đẳng trong XH, đó là một việc bất hợp lý cần phải giải quyết mâu thuẫn đó. Rồi mâu thuẫn gì nữa? mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế, mâu thuẫn của mặt trái và mặt phải của nền kinh tế thị trường, mâu thuẫn giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế ... là rõ ra và Đảng ta đã nhận thức được những mâu thuẫn đó và có biện pháp để xử lý nó. VD: khi đưa ra đường lối chính sách kinh tế chúng ta phải tính đến sự công bằng, tính đến sự bình đẳng, bình đẳng ở khâu nào? Lập kế hoạch lập ra đường lối chiến lược đền khâu thực hiện và giám sát thực thi những kế hoạch đó, phải đảm bảo kinh tế phải phát triển và XH phải công bằng.

Câu 11. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phân tích lượng – chất. Đảng CSVN đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Gợi ý trả lời của thầy: Quy luật lượng chất cũng vậy, phân tích tương tự như các câu trên.

Câu 12. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc phủ định biện chứng. Đảng CSVN đang vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Gợi ý trả lời của thầy:



- Phân vận dụng: phân tích các nội dung quy luật làm sáng rõ các nguyên tắc phủ định biện chứng, phủ định của phủ định. Đảng CSVN vận dụng nguyên tắc này như thế nào vào quá trình xây dựng nền văn hóa? Văn hóa là gì? Tại sao Đảng CSVN chúng ta lại coi văn hóa vừa là động lực, mục đích của sự phát triển kinh tế XH (làm rõ ra). Phát triển văn hóa, chúng ta xây dựng nền văn hóa VN tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc vì vậy chúng ta cần phải thực hiện gì? Chúng ta phải loại bỏ những gì? Và kế thừa cái gì? Chúng ta hấp thụ những cái gì của nước ngoài và cái gì chúng ta không hấp thụ, phủ định biện chứng, làm sáng rõ phủ định biện chứng trong quá trình phát triển kinh tế. VD: mê tín dị đoan là kế thừa hay nhổ bỏ? những giá trị bản sắc của các dân tộc: công chiêng Tây Nguyên, nhã nhạc cung đình, chèo, đờn ca tài tử nam bộ ... bỏ luôn hay kế thừa lại và phát triển thêm, tạo điều kiện cho nó sinh sôi nảy nở? còn cúng bái thì hạn chế và tìm mọi cách nhổ bỏ đi. Người VN ta có cái xấu cái tốt gì đó, cái xấu thì bỏ đi, cái tốt thì phát huy thêm. Ví dụ ra đường đi bon bon, ào ào, văn hóa giao thông, có phải văn hóa thì cái gì tốt thì giữ, các gì không tốt thì loại bỏ, làm sao để làm rõ sự kế thừa phát triển trong văn hóa làm bật ra tính kế thừa bật ra cái mới cái cũ trong phát triển văn hóa, vận dụng hiểu bài để làm được (lên mạng gõ kế thừa và phát triển trong nền văn hóa VN).

Câu 13 (phút 33) Bằng lý luận và thực tiễn, chứng minh rằng, cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ là một quá trình khó khăn, lâu dài, phức tạp; cái mới có thể thất bại tạm thời nhưng cuối cùng nó sẽ chiến thắng cái cũ.

Gợi ý trả lời của thầy:

- Cũng là quy luật đó, vấn đề là ở chỗ lấy thực tiễn để chứng minh. Khi lý luận chúng ta nói thế nào thì thực tiễn có bám sát lý luận đó để minh chứng, chứng minh bằng thực tiễn.

Câu 14 (phút 34) Giải thích câu nói của V.I.Lênin: “Có thể định nghĩa văn tắt phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các mặt đối lập. Như thế là nắm được hạt nhân của phép biện chứng, nhưng điều đó đòi hỏi phải có những sự giải thích và một sự phát triển thêm”.

Gợi ý trả lời của thầy:

- Tại sao nói “Có thể định nghĩa văn tắt phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các mặt đối lập” là chỉ nắm được hạt nhân và phải giải thích thêm? Vì vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của phép biện chứng là “cái gì là nguồn gốc của mọi sự vật



động và phát triển của xã hội, cái gì là cái cốt lõi cơ bản của phép biện chứng”, và phép biện chứng đã trả lời đó chính là **sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập** (tức là **mâu thuẫn**) -> nên ở đây nó đã giải quyết được cái nền tảng, cơ bản nhất của phép BC. Tuy nhiên điều đó chỉ mới nói được 1 mặt thôi, chưa đủ và phải giải thích thêm: nó mới nói được nguồn gốc, động lực nhưng chưa nói **cách thức** của sự phát triển, là lượng đổi chất đổi và ngược lại, ta phải bổ sung thêm; **xu hướng** xu thế khôi óc của thực tiễn đó là quy luật phủ định mình chưa được nói nên phải bổ sung.

- Thứ 2, ở đây chỉ mới nói sự thống nhất của các mặt đối lập, thống nhất thôi thì chưa đủ. Thống nhất phải gắn liền với **đấu tranh**, và thống nhất đấu tranh phải gắn liền với **chuyển hóa** của các mặt đối lập, phải giải quyết mâu thuẫn, và phải nói thêm những **mâu thuẫn khác nhau** thì có vai trò không giống nhau.

- Thứ 3, phép BC thực chất là học thuyết về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển, gồm 2 nguyên lý, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù. Và ở đây nếu chỉ dừng ở 3 quy luật thì chưa đầy đủ, mà phải làm rõ 6 cặp phạm trù, mà mỗi cặp phạm trù thực chất là sự thống nhất và đấu tranh chuyển hóa giữa các mặt đối lập, cái riêng cái chung, nguyên nhân kết quả, bản chất hiện tượng, ... đều có đối lập.

Ở Vì vậy, Lenin đã nói “phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các mặt đối lập” là chỉ nắm được hạt nhân của phép biện chứng. Thầy đã giúp lớp hiểu thêm về Phép BC: không những hiểu 1 quy luật mà 3 quy luật, không những hiểu mâu thuẫn là sự thống nhất mà phải hiểu đấu tranh, chuyển hóa giữa các mặt đối lập và phân loại mâu thuẫn, ko chỉ hiểu Phép BC có 3 quy luật mà còn 6 cặp phạm trù, như thế mới là hiểu đầy đủ hơn.

Ở Còn 2 nguyên lý ko cần thiết vì sao? Vì trước hết nó phải liên hệ phổ biến thì nó mới vận động, nếu nó vận động thì nó mới phát triển, nên phép biện chứng chính là học thuyết về sự phát triển, mà học thuyết về sự phát triển là học thuyết về nguồn gốc phát triển, về động lực phát triển, về cách thức phát triển, và về xu hướng xu thế phát triển. Nên ta làm rõ 3 quy luật là làm rõ sâu thêm về sự phát triển của thế giới.

Ở Tại sao ta ko làm rõ 2 nguyên lý? Bởi vì điều đó là hiển nhiên, phép biện chứng cho rằng mọi sự vật trong thế giới đều có mối liên hệ qua lại ràng buộc lẫn nhau và không ngừng vận động phát triển, điều đó là ai cũng biết nên chúng ta ko cần nói cũng phải biết điều đó. Nhưng nếu biết như thế thì chỉ biết quá đơn giản và cần phải biết đầy đủ hơn.

Câu 15. (phút 39, giây 38) Giải thích câu nói của V.I.Lê nin: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận nhận thức”.

Gợi ý trả lời của thầy:



- Lý luận nhận thức này là lý luận duy vật biện chứng, dựa vào những nguyên tắc cơ bản của lý luận nhận thức marxist, dựa vào luận điểm: thực tiễn là nguồn gốc, là động lực, là mục đích của nhận thức của lý luận và đồng thời là tiêu chuẩn của chân lý => phân tích để làm sáng rõ ra quan điểm này.

- Tức là ta có thể trả lời: Vì thực tiễn cuộc sống là gì? Là nguồn gốc đứng đầu, là động lực điểm giữa, là mục đích của nhận thức, của lý luận, đồng thời là tiêu chuẩn của chân lý => phân tích luận điểm này sẽ làm sáng rõ quan điểm của Lenin “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận nhận thức”, tức là cái gì có trước hết: thực tiễn; nhận thức ra đời từ đâu: thực tiễn; nhận thức hoạt động đi về đâu: do thực tiễn chi phối; nhận thức đúng hay sai: do thực tiễn trả lời. Cho nên thực tiễn, cuộc sống phải là quan điểm thứ nhất, quan điểm cơ bản, nền tảng của Macxit.

Câu 16. (phút 42) Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Việc tuân thủ nguyên tắc này sẽ khắc phục được những hạn chế gì trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?

Gợi ý trả lời của thầy:

- Cơ sở lý luận: thực tiễn là nguồn gốc, là động lực, là mục đích của lý luận, hay của nhận thức. Và nó có 2 yêu cầu, phân tích 2 yêu cầu đó. Nhận thức xuất phát từ thực tiễn, phải khái quát, tổng kết thực tiễn, phải gắn kết phản ánh đúng thực tiễn và sau cùng lý luận quay về phục vụ thực tiễn, chỉ đạo hướng dẫn thực tiễn, và thông qua thực tiễn để kiểm tra tính xác thực của chính mình.

- Ở đây chúng ta phải xem nếu ko tuân thủ nguyên tắc này thì mắc những lỗi gì: Bệnh giáo điều, đề cao lý luận, tuyệt đối hóa lý luận; bệnh kinh nghiệm, đề cao kinh nghiệm, coi thường lý luận, chỉ rõ nguồn gốc nguyên nhân từ đâu mà có, cách khắc phục nó ra sao... (xem trong sách).

Câu 17. (phút 43) Hình thái kinh tế xã hội là gì? Vạch ra ý nghĩa của học thuyết hình thái kinh tế – xã hội? Phân tích tư tưởng của Mác: “Sự phát triển hình thái kinh tế – xã hội là quá trình lịch sử – tự nhiên”. Đảng CSVN đã vận dụng học thuyết hình thái KT-XH như thế nào vào thực tiễn cách mạng VN hiện nay?

Gợi ý trả lời của thầy:

Hình thái kinh tế xã hội là gì? Vạch ra ý nghĩa của học thuyết hình thái kinh tế – xã hội? => xem sách nhưng lưu ý: chỉ nêu những vấn đề chính, ngắn gọn, hỏi cái gì thì trả lời cái



đó, ko chép hết trong sách, cũng ko phải là làm bài văn, cái gì ko hỏi thì kiên quyết ko trả lời.

* Hình thái kinh tế xã hội là gì? Phân tích nội dung của khái niệm đó, chỉ rõ ra XH loài người gồm những hình thái nào?

* Vạch ra ý nghĩa của học thuyết này: ý nghĩa về mặt triết học được làm rõ thêm thông qua ý nghĩa về mặt Phương pháp luận về mặt lịch sử, sau đó làm rõ về ý nghĩa về mặt chính trị, ý nghĩa về mặt khoa học xã hội.

* Phân tích tư tưởng của Mác “Sự phát triển hình thái kinh tế – xã hội là quá trình lịch sử – tự nhiên”: Làm rõ tính lịch sử và tính tự nhiên của nó, tức là chỉ rõ ra lịch sử của sự phát triển là do con người nhưng mà không phụ thuộc vào lợi ích con người mà phụ thuộc vào quy luật khách quan (chỉ rõ quy luật ra). Nguồn gốc sâu xa của sự phát triển xã hội là LLSX, chỉ rõ ra động lực phát triển xã hội đó là mâu thuẫn trong 1 xã hội.

Kết luận chung xã hội phát triển từ thấp đến cao, những lịch sử cụ thể khác nhau ở mỗi quốc gia dân tộc, ở những giai đoạn khác nhau không như nhau, chỉ rõ ra tính chủ quan, tính đa dạng của quá trình phát triển lịch sử.

* Đảng CSVN đã vận dụng học thuyết hình thái KT-XH như thế nào vào thực tiễn cách mạng VN hiện nay? -> vận dụng học thuyết này để vạch ra con đường đi lên CNXH VN, đi thế nào để đi lên CNXH, kinh tế làm gì, chính trị làm gì, ...

Trả lời:

1. **Hình thái kinh tế xã hội là gì?**

Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù của **chủ nghĩa duy vật lịch sử** (hay còn gọi là **chủ nghĩa duy vật biện chứng về xã hội**) dùng để chỉ **xã hội** ở từng giai đoạn **lịch sử** nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của **lực lượng sản xuất**, và với một **kiến trúc thượng tầng** tương ứng được xây dựng trên những **quan hệ sản xuất** đó. Nó chính là các **xã hội** cụ thể được tạo thành từ sự thống nhất **bí quyết** giữa các mặt trong đời sống xã hội và tồn tại trong từng giai đoạn **lịch sử** nhất định.

2. **Cấu Trúc:**

Hình thái kinh tế - xã hội là một hệ thống hoàn chỉnh, có cấu trúc phức tạp, trong đó có các mặt cơ bản là **lực lượng sản xuất**, **quan hệ sản xuất** và **kiến trúc thượng tầng**. Mỗi mặt của hình thái kinh tế - xã hội có vị trí riêng và tác động qua lại lẫn nhau, thống nhất với nhau.

Cấu trúc cơ bản của hình thái kinh tế xã hội bao gồm:

TIN HỌC MINH LONG

tinhocfighterminhlong@gmail.com

(+84) 39 940 0000; (+84) 32 899 3490

Số 9/8 Hoàng Dư Khương, Phường 12, Quận 10, TP.HCM



Fanpage: Tin Học Minh Long

Lực lượng sản xuất: là nền tảng vật chất - kỹ thuật của mỗi hình thái kinh tế - xã hội. Hình thái kinh tế - xã hội khác nhau có lực lượng sản xuất khác nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội.

Quan hệ sản xuất: Tạo thành cơ sở hạ tầng của xã hội và quyết định tất cả mọi quan hệ xã hội khác. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho nó. Quan hệ sản xuất là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội.

Kiến trúc thương tầng được hình thành và phát triển phù hợp với cơ sở hạ tầng, nhưng nó lại là công cụ để bảo vệ, duy trì và phát triển cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó.

Các yếu tố khác: Ngoài ra, hình thái kinh tế-xã hội các hình thái kinh tế - xã hội còn có quan hệ về gia đình, dân tộc và các quan hệ xã hội khác. Nó còn bao gồm các lĩnh vực chính trị, lĩnh vực tư tưởng và lĩnh vực xã hội. Mỗi lĩnh vực của hình thái kinh tế-xã hội vừa tồn tại độc lập với nhau, vừa tác động qua lại, thống nhất với nhau gắn bó với quan hệ sản xuất và cùng biến đổi với sự biến đổi của quan hệ sản xuất.

3. Sự phát triển:

Hình thái kinh tế - xã hội là một hệ thống, trong đó, các mặt của hình thái kinh tế-xã hội tác động qua lại với nhau tạo nên các quy luật vận động, phát triển khách quan của xã hội. Chính sự tác động của các quy luật khách quan đó mà hình thái kinh tế xã hội tuy là phạm trù xã hội nhưng lại có khuynh hướng phát triển như một quy luật tự nhiên, nó vận động phát triển từ thấp đến cao. Xã hội loài người đã phát triển trải qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau. Trên cơ sở phát hiện ra các quy luật vận động phát triển khách quan của xã hội, C.Mác đã đi đến kết luận rằng:

Hình thái kinh tế - xã hội là một hệ thống, trong đó, các mặt của hình thái kinh tế-xã hội tác động qua lại với nhau tạo nên các quy luật vận động, phát triển khách quan của xã hội. Chính sự tác động của các quy luật khách quan đó mà hình thái kinh tế xã hội tuy là phạm trù xã hội nhưng lại có khuynh hướng phát triển như một quy luật tự nhiên, nó vận động phát triển từ thấp đến cao. Xã hội loài người đã phát triển trải qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau. Trên cơ sở phát hiện ra các quy luật vận động phát triển khách quan của xã hội, C.Mác đã đi đến kết luận rằng:

“Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên”
– C.Mac



Lịch sử xã hội do con người làm ra, con người tạo ra các quan hệ xã hội của mình và đó là xã hội. Nhưng sự vận động của xã hội lại tuân theo quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của con người mà nguồn gốc sâu xa của sự thay thế nhau giữa các hình thái kinh tế-xã hội nằm ở chỗ:

Sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây nên sự thay đổi của quan hệ sản xuất.

Và rồi đến lượt mình, sự thay đổi của quan hệ sản xuất (với tư cách là cơ sở hạ tầng) sẽ làm cho kiến trúc thượng tầng thay đổi.

Do vậy, từ những yếu tố cấu trúc của mỗi một hình thái kinh tế xã hội thay đổi dẫn đến hình thái kinh tế-xã hội này được thay thế bằng hình thái kinh tế-xã hội khác cao hơn, tiến bộ hơn. C.Mác đã viết về một trường hợp cụ thể: "*Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hoá lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa... nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại để ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên*"

Sự thay thế nhau như vậy giữa các hình thái kinh tế-xã hội là con đường phát triển chung của nhân loại. Quá trình đó diễn ra một cách khách quan chứ không phải theo ý muốn chủ quan. Sự biến đổi đó của hình thái kinh tế-xã hội không chịu sự tác động của con người mà tuân theo các quy luật xã hội khách quan.

"Chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên" – V.I.Lenin.

4. Các loại

Theo chủ nghĩa Mác-Lenin thì trong lịch sử loài người đã sẽ tuần tự xuất hiện 05 hình thái kinh tế xã hội từ thấp đến cao:

Hình thái kinh tế-xã hội **cộng sản nguyên thủy** (công xã nguyên thủy)

Hình thái kinh tế-xã hội **chiếm hữu nô lệ**

Hình thái kinh tế-xã hội **phong kiến**

Hình thái kinh tế-xã hội **tư bản chủ nghĩa**

Hình thái kinh tế **cộng sản chủ nghĩa**

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ra đời và có quá trình phát triển qua các giai đoạn, từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn. Đó là:



"Giai đoạn thấp của xã hội cộng sản" hay "giai đoạn đầu của xã hội cộng sản". Sau gọi giai đoạn này là "**chủ nghĩa xã hội**" hay "**xã hội xã hội chủ nghĩa**".

"Giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản". Sau này gọi là "**chủ nghĩa cộng sản**" hay **xã hội cộng sản chủ nghĩa**.

Và "**giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa** là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia... một thời kỳ quá độ chính trị..., **chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản**", và đó là "**những cơn đau đẻ kéo dài**".

V.I. Lenin cũng nêu lại gồm:

I. **Những cơn đau đẻ kéo dài** (tức là thời kỳ quá độ).

II. **Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa**.

III. **Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa**. Ông này cho rằng "giai đoạn thấp" là **xã hội xã hội chủ nghĩa** (hay **chủ nghĩa xã hội**); "giai đoạn cao" là **xã hội cộng sản chủ nghĩa** (hay **chủ nghĩa cộng sản**), đặc biệt là phát triển lý luận về "thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội".

5. Ý Nghĩa:

Phản bác quan điểm duy tâm về lịch sử

Trước khi C.Mác đưa ra học thuyết về hình thái kinh tế xã hội thì về cơ bản chủ nghĩa duy tâm giữ vai trò thống trị trong khoa học xã hội. Thể hiện ở chỗ có những quan điểm cho rằng lịch sử phát triển không có quy luật mà chỉ theo chiều hướng ngẫu nhiên, không đoán định, hoặc lịch sử phát triển phụ thuộc vào ý muốn, ý thích chủ quan của con người, con người muốn phát triển như thế nào thì lịch sử sẽ phát triển như vậy, đặc biệt là ý chí của những lãnh tụ, những bậc anh hùng, hoặc quan điểm cho rằng lịch sử là đời sống con người ở một thời đại.

Lịch sử không chỉ là cuộc đời và những chuyện thám hiểm của các nhà quý tộc, các vị vua, các vị linh mục... mà nó cho thấy những giai đoạn nối tiếp nhau của những phong cách sản xuất khác nhau, nhờ những phong cách sản xuất đó con người đạt được sức mạnh để chiến thắng thiên nhiên.

Đề ra phương pháp nghiên cứu mới

Sau đó, sự ra đời học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã đưa lại cho khoa học xã hội một phương pháp nghiên cứu thực sự khoa học. Thể hiện ở chỗ:



Học thuyết này đề xuất khi nghiên cứu lịch sử-xã hội phải bắt đầu nghiên cứu từ quá trình sản xuất, những cơ sở hạ tầng kinh tế của từng xã hội trong từng thời kỳ lịch sử vì học thuyết này chỉ ra rằng: sản xuất vật chất là cơ sở của đời sống xã hội, phương thức sản xuất quyết định các mặt của đời sống xã hội. Cho nên, không thể xuất phát từ ý thức, tư tưởng, từ ý chí chủ quan của con người để giải thích các hiện tượng trong đời sống xã hội mà phải xuất phát từ phương thức sản xuất.

C.Mác đã kết luận:

“Việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và chính, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra một cơ sở, từ đó mà người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của con người ta”

Cơ sở để phân kỳ lịch sử

Học thuyết cơ sở để phân chia thời đại lịch sử hay phân kỳ lịch sử vì nó chỉ ra: xã hội không phải là sự kết hợp một cách ngẫu nhiên, máy móc giữa các cá nhân, mà là một cơ thể sống sinh động, các mặt thống nhất chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, quan hệ sản xuất là quan hệ cơ bản, quyết định các quan hệ xã hội khác, là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội. Muốn nhận thức đúng đòng đời sống xã hội, phải phân tích các mặt của đời sống xã hội và mối quan hệ lẫn nhau giữa chúng. Đặc biệt phải phân tích về quan hệ sản xuất thì mới có thể hiểu một cách đúng đắn về đời sống xã hội. Chính quan hệ sản xuất cũng là tiêu chuẩn khách quan để phân kỳ lịch sử một cách đúng đắn, khoa học.

Có những quan điểm phản biện học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã lỗi thời và cho rằng phải thay thế bằng cách tiếp cận văn minh. Cách tiếp cận này phân chia lịch sử phát triển nhân loại thành văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp (hay văn minh tin học, văn minh trí tuệ).

Nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp là Phuriê (1772 - 1837) chia lịch sử phát triển xã hội loài người thành bốn giai đoạn: mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh.

Nhà nhân chủng học Mỹ là Moócgan (1818 - 1881) lại phân chia thành ba giai đoạn: mông muội, dã man và văn minh.



Nhà tương lai học người Mỹ, Anvin Tôpphlô lại dựa vào trình độ phát triển công cụ sản xuất, chia lịch sử phát triển nhân loại thành ba nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp.

Nhưng một số khác phản bác rằng Thực chất đây là phân chia dựa vào các trình độ phát triển kinh tế, dựa vào trình độ khoa học và công nghệ. Rõ ràng, cách tiếp cận này không thể thay thế được học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, nó không vạch ra mối quan hệ giữa các mặt trong đời sống xã hội và các quy luật vận động, phát triển của xã hội từ thấp đến cao.

Có ý nghĩa cách mạng

Học thuyết hình thái kinh tế xã hội khẳng định, lịch sử-xã hội của con người là quá trình lịch sử có quy luật cũng giống như những quy luật tự nhiên toàn bộ vân đê là ở chỗ nhận ra được quy luật đó hay không. Nó chỉ ra: sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, tức diễn ra theo các quy luật khách quan chứ không phải theo ý muốn chủ quan. Cho nên, muốn nhận thức đúng đời sống xã hội phải đi sâu nghiên cứu các quy luật vận động phát triển của xã hội.

Đây là học thuyết mang tính cách mạng: Mác đã chỉ cho chúng ta làm cách nào mà quy luật phát lịch sử quy định sự nối tiếp không tránh khỏi của các phương thức sản xuất từ phương thức sản xuất nguyên thủy tới nô lệ, từ chế độ phong kiến đến tư bản chủ nghĩa và lịch sử thế giới hiện trải qua những bước quanh co song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử" vì "theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội".

Kể từ khi học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác ra đời cho đến nay, loài người đã có những bước phát triển hết sức to lớn về mọi mặt, nhưng học thuyết đó vẫn là phương pháp thực sự khoa học để nhận thức một cách đúng đắn về đời sống xã hội. Đương nhiên, học thuyết đó "không bao giờ có tham vọng giải thích tất cả, mà chỉ có ý muốn vạch ra một phương pháp... "duy nhất khoa học" để giải thích lịch sử"

Ngoài ra cũng có những mối hoài nghi cho rằng nếu lịch sử đã diễn ra theo quy luật như vậy thì cứ để nó diễn ra mà tại sao lại phải đấu tranh giải cáp, vì sao phải đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chống lại cảnh sát nếu đảng nào nó cũng xây ra?.

Marx đã trả lời rằng:

TIN HỌC MINH LONG

tinhocfighterminhlong@gmail.com

(+84) 39 940 0000; (+84) 32 899 3490

Số 9/8 Hoàng Dư Khương, Phường 12, Quận 10, TP.HCM



Fanpage: Tin Học Minh Long

“Bởi vì con người làm nên lịch sử chứ không phải đường vòng nào khác. Lịch sử sẽ không làm gì cả, nó không thúc đẩy cuộc đấu tranh nào và tư bản sẽ cố kháng cự sự sụp đổ của chính nó”

Cái dẫn đến sự phá hủy của nó là những đối kháng bên trong chủ nghĩa tư bản: chỉ vì có một thế lực đối nghịch đang phát triển một cách độc lập ngoài ý muốn của chủ nghĩa tư bản đó là giai cấp vô sản và rõ ràng một điều rằng người giàu sẽ không bao giờ từ bỏ của cải và đặc quyền của mình một cách vui vẻ.

6. Vận dụng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội vào thực tiễn cách mạng VN

- + Đảng ta đã vận dụng học thuyết hình thái KT-XH của Mác để làm cơ sở lý luận cho việc lựa chọn con đường đi lên CNXH của Việt Nam:

Thứ nhất, con đường đi lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở nước ta hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Mác – Lênin về tính tất yếu của CNXH, phù hợp với tư tưởng của Mác về khả năng phát triển rút ngắn hay tư tưởng của Lênin về khả năng quá độ gián tiếp.

Thứ hai, mặc dù CNXH bị khủng hoảng và thất bại nhưng đó là thất bại của mô hình CNXH tập trung, quan liêu, bao cấp, chứ không phải CNXH với tính cách là một xã hội cao hơn CNTB.

Thứ ba, CNXH gắn liền với độc lập dân tộc là con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn. Với thử thách của thời gian, con đường đó đã từng bước được hiện thực hóa trên đất nước Việt Nam.

- + Đảng ta đã vận dụng học thuyết hình thái KT-XH của Mác để vạch ra con đường đi lên CNXH của Việt Nam là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng vẫn tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đảng đã xác định để tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, với các định hướng then chốt:

Thứ nhất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN:



Để có CNXH phải có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, nhưng nước ta xuất phát từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ, lao động thủ công là chủ yếu. Vì vậy cần tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần phải coi phát triển khoa học công nghệ là một quốc sách hàng đầu. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế hợp tác và cạnh tranh ngày càng quyết liệt của thế giới ngày nay.

Thứ hai, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN:

Lý luận hình thái kinh tế - xã hội chỉ ra sự phát triển của lực lượng sản xuất phải gắn liền với việc xác lập quan hệ SX phù hợp. Đảng ta khẳng định phát triển LLSX hiện đại gắn liền với QHSX mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối. Đảng ta chủ trương sử dụng nhiều hình thức sở hữu về tư liệu SX, nhiều thành phần kinh tế, thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN

Kinh tế thị trường là thành tựu chung của nhân loại, là kết quả của sự phát triển LLSX đến một trình độ nhất định. Và kinh tế thị trường là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy LLSX phát triển. Đảng ta khẳng định xây dựng KTTT định hướng XHCN là phát triển LLSX, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho CNXH, nâng cao đời sống nhân dân.

Thứ ba, kết hợp giữa kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN:

Đảng ta khẳng định trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta, gắn liền phát triển kinh tế, xây dựng nền KTTT định hướng XHCN phải không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân; nâng cao vai trò của các tổ chức quần chúng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Phải gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng và dân chủ trong đời sống xã hội. Coi giáo dục và đào tạo cũng là một quốc sách hàng đầu, giáo dục và đào tạo phải định hướng phát triển nhân cách con người Việt Nam.



Câu 18. (phút 47) Chủ nghĩa duy vật lịch sử là gì? Giải thích luận điểm của V.I.Lênin: “Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị”.

Gợi ý trả lời của thầy: <phản highlight màu vàng là nghe ko rõ lắm :)>

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là gì?

- Chỉ rõ ra Mác lấy phép BC của Enghen nhưng cải tạo theo tinh thần duy vật của Phoiobắc để có được PBC duy vật và lấy chủ nghĩa duy vật siêu nhân bản và cải tạo theo theo tinh thần của<ko nghe rõ lắm> để có được chủ nghĩa duy vật BC. Và Mác đã có trong tay CNDV biện chứng và phép biện chứng duy vật. Mác dùng nó để rọi soi vào lịch sử và vì thế Mác phát hiện ra bản chất vật chất và bản tính biện chứng của lịch sử và vì thế xây dựng chủ nghĩa DVLS.

- CNDVLS là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về tiến trình vận động và phát triển của lịch sử XH loài người. Trong đó học thuyết hình thái KTXH là quan trọng nhất, hòn đá tảng của CNDV lịch sử. Trong quy luật lịch sử này Mác làm rõ bản chất vật chất của lịch sử được ... vật chất, các quy luật khách quan vận động phát triển là các lực lượng... và quy luật ... thống nhất và quy luật LLSX quyết định QHSX, cơ sở hạ tầng, ...<đoạn này ko nghe rõ lắm> và chỉ rõ trong xã hội loài người có giai cấp thì đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội là phương thức phát triển xã hội, chỉ rõ ra lịch sử của sự vận động phát triển gắn liền với con người, con người là chủ thể đích thực của lịch sử, và quần chúng nhân dân là lực lượng sáng tạo ra lịch sử.

=> Như vậy chúng ta đã làm rõ “Chủ nghĩa duy vật lịch sử là gì?”: làm rõ ra nó xuất hiện như thế nào, làm bật ra định nghĩa nó là gì, sau đó chỉ rõ ratrong nó cái gì quan trọng nhất.

Nói “Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị”

- Ngàn đời này người ta lý giải lịch sử 1 cách duy tâm, siêu hình và thần bí (mô tả chỉ rõ ra, các phong trào gì gì đó, kể cả Phoiobắc nhà duy vật kiệt suát trước Mác cũng không ngoại lệ, Phoiobắc lý giải lịch sử 1 cách duy tâm, các thời đại lịch sử khác nhau là do các tôn giáo khác nhau) và người đầu tiên mang lại cách nhìn duy vật biện chứng và khoa học lịch sử là Mác, nên nó là thành tựu vĩ đại nhất trong khoa học xã hội, nó mang



lại thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng, làm sáng rõ các quy luật vận động phát triển, chỉ rõ ra LL quyết định tiến trình phát triển lịch sử là ai. Nó là 1 học thuyết rất hoàn chỉnh và chặt chẽ, do vậy mà nó đã thay cho sự lộn xộn tùy tiện trước đây, trước đây người ta lý giải lịch sử 1 cách duy tâm siêu hình, đầy chủ quan, và tùy tiện.

- Và học thuyết này là học thuyết phát minh vĩ đại nhất của Mác, sau đó Mác phát minh ra học thuyết về Giá trị thăng dư, và sau đó Mác tiếp tục phát minh ra học thuyết về Vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản. Nên nếu trong 3 phát minh của Mác thì nó là phát minh lớn nhất của Mác, vì nhờ nó là Mác phát hiện ra học thuyết hình thái Giá trị thăng dư, nhờ học thuyết về Giá trị thăng dư mà Mác phát hiện ra bản chất bóc lột của tư bản, nhờ đó mà Mác phát hiện ra LL xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Câu 19. (phút 52) Phân tích nội dung cơ bản của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tại sao nói quy luật này là quy luật cơ bản và phổ biến nhất của xã hội loài người. Đảng CSVN đã vận dụng quy luật này như thế nào vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Gợi ý trả lời của thầy:

- Phân tích nội dung cơ bản của quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX. (thầy bảo xem trong slide và sách).
- Tại sao nói quy luật này là cơ bản và phổ biến của xã hội ta người?
 - Nêu 3 quy luật cơ bản của XH loài người: quy luật phù hợp QHSX với LLSX, Cơ sở hạ tầng quyết định KTTT, Tồn tại XH quyết định YTXH
 - “Cơ bản nhất” vì nó tác động đến sự thay đổi của PTSX, tức là thay đổi kinh tế, mà kinh tế thay đổi sẽ làm chính trị thay đổi, xã hội thay đổi, đời sống vật chất thay đổi, kéo theo đời sống tinh thần cũng thay đổi. Các thời đại khác nhau là khác nhau ở PTSX, muốn có thời đại mới tốt đẹp hơn, cao cả hơn phải có PTSX cao hơn -> mang lại năng suất cao hơn.
 - “Phổ biến” là vì nó tác động từ khi loài người xuất hiện đến nay và mãi về sau. Phổ biến vì nó tác động mọi hình thái kinh tế XH. Bất cứ XH nào quy luật này đều tác động đến nên gọi là phổ biến.

⇒ Phổ biến có trong mọi. Cơ bản là cái chi phối những cái khác.

- Đảng ta đã vận dụng quy luật này như thế nào vào quá trình xây dựng CNXH ở nước ta:



Nước ta là nước có nền kinh tế thấp kém, LLSX đa dạng, do vậy ta phải xây dựng 1 QHSX đa dạng phù hợp với LLSX đa dạng đó => xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, mỗi thành phần ứng với 1 quan hệ sở hữu, 1 kiểu tổ chức, quản lý...như thế nào cho phù hợp với sự đa dạng của LLSX.

LLSX nước ta đa dạng, thấp kém, nên nếu muốn có 1 XH mới phải tạo ra LLSX mới ->do vậy phải thực hiện CNH, HĐH để phát triển LLSX. Do vậy, lấy GD đào tạo, phát triển công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển LLSX và không ngừng điều chỉnh QHSX phù hợp LLSX để tạo sự kích thích cho sự phát triển LLSX ở nước ta (cứ qua mỗi kỳ đại hội Đảng ta đều điều chỉnh lại QHSX sao phù hợp LLSX trong tình hình thực tiễn).

Câu 20: (phút 57) Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Đảng CSVN đã vận dụng mối quan hệ biện chứng này như thế nào vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay?

Gợi ý trả lời của thầy:

- Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng (xem slide và sách)

- Đảng ta đã vận dụng mối quan hệ biện chứng ntn vào quá trình xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay: đổi mới toàn diện mọi mặt đời sống xã hội, trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm. Đổi mới kinh tế sẽ đổi mới chính trị (Đổi với kinh tế là đổi mới sao? Đổi mới chính trị là đổi mới gì? ->*ghi rõ ra*) (thể chế nhà nước, phương thức hoạt động nhà nước, đoàn thể, dân chủ kinh tế, dân chủ chính trị -> xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN ngày càng hoàn thiện về thể chế để tìm ra những đột phá trong kinh tế phát triển).

Câu 21: (phút 58) Giai cấp là gì? Bằng lý luận và thực tiễn, chứng minh rằng: “trong mọi thời đại, những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị. Điều đó có nghĩa là giai cấp nào là lực lượng vật chất thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần thống trị trong xã hội”.

Gợi ý trả lời của thầy:

- Định nghĩa giai cấp là gì? (theo CN Mac – Lenin)

- Chỉ rõ XH loài người tập đoàn nào là giai cấp (chủ nô, nô lệ, nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản, tiểu tư sản và vô sản là những giai cấp trong XH loài người. Phong kiến, quý tộc, tầng lớp bình dân..chỉ là đẳng cấp)



- Mỗi giai cấp có 4 đặc trưng khác nhau. Giai cấp đặc trưng cơ bản là sở hữu đối tượng SX

- Chứng minh:

. Cơ sở lý luận: quy luật tồn tại XH quyết định ý thức XH và quy luật cơ sở hạ tầng quyết định KTTT.

Giai cấp nào thống trị trong kinh tế thì giai cấp đó là giai cấp thống trị trong chính trị, thống trị trong mọi mặt đời sống vật chất, tinh thần. Đời sống tinh thần là sự phản ánh của vật chất. Chú ý dưới XH phong kiến tư tưởng nhà thờ thống trị đời sống tinh thần nhưng nhà thờ không phải là giai cấp. những tư tưởng đó không đi lợi ích của giai cấp địa chủ -> sự kết hợp của tư tưởng của giai cấp địa chủ + tư tưởng nhà thờ => thống trị đời sống tinh thần trong XH phong kiến -> dưới xã hội phong kiến tư tưởng phong kiến vẫn là tư tưởng thống trị.

. Thực tiễn:

§ XH chiếm hữu nô lệ ai thống trị kinh tế, chính trị đời sống vật chất, đời sống tinh thần (chủ nô)

§ XH phong kiến ai thống trị kinh tế, chính trị đời sống vật chất, đời sống tinh thần (địa chủ)

§ XH tư bản ai thống trị kinh tế, chính trị đời sống vật chất, đời sống tinh thần (tư sản)

§ CN XH ai thống trị kinh tế, chính trị đời sống vật chất, đời sống tinh thần (tư tưởng HCM, chủ nghĩa Mac – Lenin => giai cấp công nhân lao động thống trị)

Câu 22: **Nhà nước pháp quyền** là gì? So sánh NNPQ TS và NN PQ XHCN. Phân tích cơ sở kinh tế, cơ sở chính trị và cơ sở XH của NN PQ XHCN Việt Nam.

Gợi ý trả lời của thầy:

- Nhà nước pháp quyền là gì? Định nghĩa?
- Nhà nước PQTS là gì? Định nghĩa?
- Nhà nước PQXHCN là gì? Định nghĩa?
- So sánh NNPQ TS và NN PQXHCN?

- o Nhà nước pháp quyền phải gắn liền nền kinh tế thị trường (NN PQTS gắn liền với nền kinh tế thị trường TBCN)
- o Nhà nước pháp quyền TS gắn liền cơ sở XH là sự đoàn kết của cộng đồng xây dựng nhà nước
- o Nhà nước pháp quyền XHCN gắn liền cơ sở XH là đại đoàn kết toàn dân tộc
- o Hay trong TS chính trị gắn liền với nền chính trị đa liên của CNTS. ...



Câu 23. Phân tích quan điểm của triết học Mac – Lenin về bản chất con người và về vấn đề giải phóng con người.

- (xem sách và slide)

1/ Quan điểm của triết học Mac-Lênin về bản chất con người

a. Con người là một thực thể sinh vật – xã hội

- Khoa học và thực tiễn đã chứng tỏ rằng, tiền đề đầu tiên của sự tồn tại người là sự sống của Thể xác sống của con người chính là sản phẩm tiến hóa lâu dài của tự nhiên, là sự tiếp tục phát triển của tự nhiên. Ph.Aêngghen viết : “Bản thân chúng ta với cả xương thịt máu mủ và đầu óc chúng ta là thuộc về giới tự nhiên”. Do vậy, trước hết nó bị chi phối bởi các quy luật tự nhiên sinh học như : quy luật trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường, quy luật biến dị và di truyền, quy luật tiến hóa ...

- Sự tồn tại của con người còn gắn liền trực tiếp với sự tồn tại của xã hội

Để thỏa mãn các nhu cầu của mình, con người phải tiến hành lao động sản xuất, qua đó tạo thành các mối quan hệ xã hội và xã hội; trong đó “ xã hội sản sinh ra con người với tính cách là con người như thế nào thì con người cũng sản sinh ra xã hội như thế”. Sự tồn tại xã hội của con người gắn liền với sự tồn tại của ý thức.

- Con người là một thực thể sinh vật – xã hội, trong đó có sự tác động đan xen của ba hệ thống nhu cầu (nhu cầu sinh học, nhu cầu xã hội, nhu cầu tinh thần) và ba hệ thống quy luật (quy luật sinh học, quy luật xã hội, quy luật tinh thần)

Mỗi hệ thống nhu cầu và quy luật này đều có vị trí, vai trò và tác dụng của mình trong sự tồn tại và phát triển của con người đồng thời chúng tham gia vào việc quy định bản chất của nó; trong đó hệ thống nhu cầu và quy luật xã hội luôn giữ vị trí trung tâm và có vai trò quyết định. Các nhu cầu của con người, dù là nhu cầu vật chất hay tinh thần, mang tính tự nhiên và xã hội, đều được quy định bởi lịch sử, nhưng con người hoàn toàn có thể tự điều chỉnh, tự kiểm tra các nhu cầu và hoạt động của mình.

Con người tồn tại trong thế giới không phải như các sinh vật khác, mà tồn tại với tư cách là chủ thể của quá trình nhận thức và hành động cải tạo thế giới, cải tạo xã hội và cải tạo chính bản thân con người

b. Con người là chủ thể của lịch sử

- Triết học Mac-Lênin cho rằng, con người là sản phẩm của lịch sử (sản phẩm của điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội) đồng thời chính là chủ thể sáng tạo ra quá trình lịch sử áy-lịch sử của con người. Đó là quá trình hoạt động có ý thức của con người nhằm mục đích cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội và cải tạo chính bản thân con người.



- Trên cơ sở vận dụng phép biện chứng duy vật, C.Mác đã khảo sát bản chất con người bắt đầu từ hoạt động thực tiễn, từ trong hoàn cảnh xã hội lịch sử cụ thể.
- “Bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”, luận điểm này cho thấy, con người là một thực thể có tính loài. Đặc tính “loài” của con người hiện thực tức là tính người. Tính người bao gồm toàn bộ các thuộc tính vốn có của con người, trong đó có ba thuộc tính cơ bản nhất đó là : thuộc tính tự nhiên, thuộc tính xã hội và thuộc tính tư duy.
- “Bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”, quan hệ xã hội ở đây được hiểu là tổng thể các quan hệ mà con người đã có, đang có và trong chừng mực nào đó còn bao hàm cả những quan hệ trong tương lai.
- Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội, nhưng con người bao giờ cũng là con người riêng biệt, con người cụ thể, ứng với những thời đại, những giai đoạn lịch sử nhất định, với từng tập đoàn người, đồng thời nó cũng mang bản chất chung của nhân loại, phát triển trong toàn bộ lịch sử loài người.

2/ Quan điểm của triết học Mac-Lênin về giải phóng con người

- Triết học Mac-Lênin là triết học vì con người. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mac và Ph.Aêngghen đã viết : “vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức” song “xã hội không thể nào giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân riêng biệt”. Như vậy, tư tưởng giải phóng con người, giải phóng nhân loại là tư tưởng xuyên suốt, là cái cốt lõi của Triết học Mac- Lênin.
- Triết học Mac-Lênin không phải là triết học đầu tiên đề cập đến vấn đề giải phóng con người. Vấn đề giải phóng con người đã được nhiều học thuyết triết học đề cập đến, nhưng do hạn chế bởi lịch sử, do chưa hiểu đúng về con người, về bản chất con người, cho nên khi xác định giải phóng con người là giải phóng đối tượng nào, bằng cách nào, giải phóng như thế nào ... các học thuyết triết học trong lịch sử đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau nhưng chưa có được câu trả lời thích đáng.

